

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	335	0	19	5,67	86	25,67	57	17,01	155	46,27	18	5,37	
	CNKT Điện_Điện tử	247	4	51	20,65	36	14,57	31	12,55	117	47,37	12	4,86	
	Cơ điện tử	169	3	24	14,20	32	18,93	21	12,43	68	40,24	24	14,20	
	CNKT ĐK Tự động	155	1	23	14,84	35	22,58	23	14,84	63	40,65	11	7,10	
	Điện công nghiệp	206	7	2	0,97	26	12,62	40	19,42	103	50,00	35	16,99	
	CNKT ĐK Tự động hóa	59	1	1	1,69	8	13,56	19	32,20	24	40,68	7	11,86	
	CNKT Điện_Điện tử	144	2	5	3,47	12	8,33	27	18,75	90	62,50	10	6,94	
	Cơ điện tử	143	1	8	5,59	27	18,88	34	23,78	66	46,15	8	5,59	
2	Lắp đặt thiết bị lạnh	56	0	11	19,64	10	17,86	8	14,29	24	42,86	3	5,36	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	163	2	26	15,95	46	28,22	13	7,98	77	47,24	1	0,61	
	VH - SC thiết bị lạnh	156	1	49	31,41	17	10,90	16	10,26	70	44,87	4	2,56	
	CNKT Nhiệt	176	0	31	17,61	18	10,23	33	18,75	91	51,70	3	1,70	
	Lắp đặt thiết bị lạnh	61	0	2	3,28	11	18,03	16	26,23	28	45,90	4	6,56	
	CNKT Nhiệt	21	0	4	19,05	5	23,81	3	14,29	5	23,81	4	19,05	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	147	0	6	4,08	23	15,65	29	19,73	75	51,02	14	9,52	
	VH - SC thiết bị lạnh	171	0	5	2,92	18	10,53	37	21,64	93	54,39	18	10,53	
3	Bảo trì HT - TB - CN	39	0	9	23,08	10	25,64	3	7,69	17	43,59	0	0,00	
	Cắt gọt kim loại	39	0	0	0,00	2	5,13	7	17,95	30	76,92	0	0,00	
	CNKT Cơ khí	667	1	38	5,70	76	11,39	98	14,69	444	66,57	11	1,65	
	CN Chế tạo máy	172	0	1	0,58	8	4,65	37	21,51	126	73,26	0	0,00	
	Chế tạo khuôn mẫu	10	0	0	0,00	0	0,00	2	20,00	8	80,00	0	0,00	
	Cắt gọt kim loại	20	0	1	5,00	2	10,00	5	25,00	12	60,00	0	0,00	
	Cơ khí chế tạo	156	0	1	0,64	7	4,49	41	26,28	107	68,59	0	0,00	
	CNKT Cơ khí	183	2	4	2,19	20	10,93	63	34,43	96	52,46	0	0,00	
	CN Chế tạo máy	35	0	0	0,00	3	8,57	7	20,00	25	71,43	0	0,00	

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	2099	5	232	11,05	463	22,06	457	21,77	842	40,11	105	5,00	0
	Công nghệ Ô Tô	606	2	18	2,97	45	7,43	153	25,25	345	56,93	45	100,87	0
5	Công nghệ May	86	79	36	41,86	16	18,60	25	29,07	6	6,98	3	3,49	
	CN May & Thời trang	111	103	20	18,02	19	17,12	22	19,82	35	31,53	15	13,51	
6	An ninh mạng	11	0	4	36,36	2	18,18	0	0,00	5	45,45	0	0,00	
	CNKT Máy tính	134	3	11	8,21	10	7,46	9	6,72	86	64,18	18	13,43	
	Thiết kế đồ họa	242	41	35	14,46	32	13,22	50	20,66	93	38,43	32	13,22	
	Thiết kế trang Web	91	8	3	3,30	8	8,79	18	19,78	55	60,44	7	7,69	
	Đồ họa đa phương tiện	19	6	0	0,00	1	5,26	4	21,05	12	63,16	2	10,53	
	Tin học ứng dụng	26	6	0	0,00	5	19,23	7	26,92	12	46,15	2	7,69	
	Lập trình máy tính	234	8	10	4,27	22	9,40	49	20,94	120	51,28	33	14,10	
	Quản trị mạng máy tính	124	6	13	10,48	16	12,90	13	10,48	66	53,23	16	12,90	
	An ninh mạng	91	7	1	1,10	9	9,89	16	17,58	65	71,43	0	0,00	
	CNKT phần cứng MT	161	2	1	0,62	11	6,83	21	13,04	122	75,78	6	3,73	
	Thiết kế đồ họa	359	130	5	1,39	37	10,31	104	28,97	206	57,38	7	1,95	
	Thiết kế trang Web	126	20	8	6,35	9	7,14	41	32,54	66	52,38	2	1,59	
	Đồ họa đa phương tiện	114	40	0	0,00	2	1,75	23	20,18	80	70,18	9	7,89	
	Tin học ứng dụng	144	26	2	1,39	11	7,64	45	31,25	83	57,64	3	2,08	
	Lập trình máy tính	327	17	8	2,45	30	9,17	74	22,63	195	59,63	20	6,12	
	Quản trị mạng máy tính	200	26	5	2,50	34	17,00	42	21,00	110	55,00	9	4,50	
7	Logistics	77	18	15	19,48	31	40,26	14	18,18	17	22,08	0	0,00	
	Tài chính doanh nghiệp	31	14	0	0,00	5	16,13	17	54,84	9	29,03	0	0,00	
	Kế toán doanh nghiệp	159	142	29	18,24	42	26,42	54	33,96	34	21,38	0	0,00	
	Quản trị doanh nghiệp	213	100	25	11,74	69	32,39	44	20,66	75	35,21	0	0,00	
	Quản trị khách sạn	50	22	5	10,00	11	22,00	19	38,00	7	14,00	8	16,00	
	Quản trị nhà hàng	36	12	2	5,56	11	30,56	17	47,22	6	16,67	0	0,00	
	Thương mại điện tử	32	4	4	12,50	12	37,50	11	34,38	5	15,63	0	0,00	
	Kỹ thuật làm bánh	21	11	4	19,05	7	33,33	8	38,10	2	9,52	0	0,00	

S TT	NGÀNH	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
7	Logistics	88	38	6	6,82	8	9,09	42	47,73	32	36,36	0	0,00	
	Tài chính doanh nghiệp	108	69	9	8,33	21	19,44	27	25,00	51	47,22	0	0,00	
	Kế toán doanh nghiệp	200	165	24	12,00	47	23,50	78	39,00	51	25,50	0	0,00	
	Quản trị doanh nghiệp	177	116	9	5,08	30	16,95	63	35,59	75	42,37	0	0,00	
	Quản trị du lịch MICE	64	41	5	7,81	14	21,88	19	29,69	26	40,63	0	0,00	
	Quản trị khách sạn	108	62	2	1,85	10	9,26	41	37,96	55	50,93	0	0,00	
	Quản trị lễ hành	33	16	1	3,03	5	15,15	17	51,52	10	30,30	0	0,00	
	Nghiệp vụ nhà hàng	70	42	4	5,71	15	21,43	28	40,00	23	32,86	0	0,00	
	Thương mại điện tử	91	37	0	0,00	15	16,48	31	34,07	45	49,45	0	0,00	
	Kỹ thuật làm bánh	118	79	4	3,39	23	19,49	36	30,51	55	46,61	0	0,00	
8	Tiếng Anh	155	60	36	23,23	35	22,58	32	20,65	23	14,84	29	18,71	
	Tiếng Anh	312	170	11	3,53	74	23,72	115	36,86	112	35,90	0	0,00	
	Tiếng Nhật	7	5	0	0,00	3	42,86	2	28,57	2	28,57	0	0,00	
	Tiếng Hàn	19	16	1	5,26	10	52,63	5	26,32	3	15,79	0	0,00	
9	Kỹ thuật Xây dựng	85	0	2	2,35	12	14,12	29	34,12	42	49,41	0	0,00	
	Quản lý xây dựng	9	0	0	0,00	1	11,11	5	55,56	3	33,33	0	0,00	
	Kỹ thuật Xây dựng	72	2	2	2,78	7	9,72	18	25,00	44	61,11	1	1,39	
TỔNG TOÀN TRƯỜNG		11.370	1.801	933	8,21	1.838	16,17	2.615	23,00	5.425	47,71	559	4,92	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên 5.386 47,37
- Trung bình 5.425 47,71
- Yếu 559 4,92

- Từ TB trở lên 10.811 95,08
- Yếu 559 4,92

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh